

THÔNG BÁO

V/v mở các lớp học phần cho học viên cao học khóa 15

Căn cứ Kế hoạch đào tạo các lớp cao học khóa 15;

Căn cứ tiến độ đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025-2026;

Căn cứ số lượng học viên cao học khóa 15 đăng ký học phần trong học kỳ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Sau đại học.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thông báo việc mở các lớp học phần và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân liên quan như sau:

1. Trung tâm Đào tạo Sau đại học

- Tổ chức mở lớp học phần theo danh sách tại Phụ lục kèm theo.

- Thông báo nội dung này đến toàn thể giảng viên và học viên cao học khóa 15 để thực hiện.

2. Các đơn vị quản lý học phần

- Quản lý, tổ chức giảng dạy đúng thời khóa biểu đã ban hành.

- Phân nhóm học viên và sắp xếp lịch học thực hành (đối với các học phần có nội dung thực hành).

- Thông báo lịch học cụ thể đến giảng viên và học viên có liên quan.

3. Học viên cao học khóa 15

- Theo dõi kết quả đăng ký học phần trên hệ thống đại học điện tử.

- Tra cứu thời khóa biểu tại Cổng thông tin đào tạo: <http://sv.hau.edu.vn>

- Nộp kinh phí đào tạo đúng quy định và thời hạn của Nhà trường.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị, giảng viên và học viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị và cá nhân liên quan (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Thiện

Phụ lục.
DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN ĐƯỢC MỞ TRONG HỌC KỲ DÀNH CHO CÁC LỚP CAO HỌC KHÓA 15

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Hệ	Kỳ mở lớp - khóa	Giảng viên	Ghi chú
1	20252AT7343001	Quản lý dịch vụ và sản xuất phương tiện vận tải	AT7343	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Văn Chinh (Cơ khí - Ô tô)	
2	20252AT7302001	Chẩn đoán lỗi trong các hệ thống kỹ thuật	AT7302	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Đức Hiếu (Cơ khí - Ô tô)	
3	20252AT7338001	Thí nghiệm về nguồn động lực trên các phương tiện vận tải	AT7338	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Phi Trường (Cơ khí - Ô tô)	
4	20252AT7342001	Động lực học và điều khiển ô tô	AT7342	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Đức Hiếu (Cơ khí - Ô tô)	
5	20252AT7337001	Xe tự hành và kết nối xe	AT7337	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thành Bắc (Cơ khí - Ô tô)	
6	20252AT7340001	Công nghệ pin nhiên liệu và Hydro	AT7340	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Nghĩa (Cơ khí - Ô tô)	
7	20252AT7304001	Động lực học các hệ thống thủy khí trên ô tô	AT7304	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Lê Hồng Quân (HĐT)	
8	20252AT7373001	Hệ thống pin và điều khiển trên xe điện	AT7373	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Đức Hiếu (Cơ khí - Ô tô)	
9	20252AT7335002	Năng lượng mới trên phương tiện vận tải	AT7335	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Xuân Khoa (Cơ khí - Ô tô)	
10	20252BM7310001	Marketing cho nhà quản lý	BM7310	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Ngô Văn Quang (Trường Kinh tế)	
11	20252BM7309002	Quản trị nhân lực nâng cao	BM7309	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đỗ Hải Hưng (Trường Kinh tế)	
12	20252BM7328001	Quản trị chiến lược nâng cao	BM7328	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Trang Nhung (Trường Kinh tế)	
13	20252BM7307001	Quản lý thông tin và tri thức	BM7307	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đỗ Hải Hưng (Trường Kinh tế)	
14	20252BM7027001	Quản trị đổi mới sáng tạo	BM7027	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Thị Phương Hoa (Trường Kinh tế)	
15	20252CT7340001	Màng phủ vô cơ	CT7340	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thế Hữu (CN Hóa)	
16	20252CT7313001	Hóa học và công nghệ chế biến dầu khí	CT7313	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Minh Việt (CN Hóa)	
17	20252CT7321001	Nhiên liệu mới	CT7321	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đặng Hữu Trung (CN Hóa)	
18	20252CT7326001	Tính toán thiết bị trong công nghệ các chất vô cơ	CT7326	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Văn Mạnh (CN Hóa)	
19	20252CT7337001	Vật liệu composite tiên tiến	CT7337	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh (CN Hóa)	
20	20252CT7304001	Công nghệ nhũ tương	CT7304	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Ngọc Thanh (CN Hóa)	
21	20252CT7346001	Màng phủ hữu cơ	CT7346	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Bùi Thị Thu Trang (CN Hóa)	
22	20252CT7316001	Hợp chất có hoạt tính sinh học	CT7316	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Lê Thị Hồng Nhung (CN Hóa)	
23	20252CT7341001	Polime phân hủy sinh học	CT7341	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh (CN Hóa)	
24	20252CT7317001	Kỹ thuật phân tích hiện đại	CT7317	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Mạnh Hà (CN Hóa)	
25	20252CT7343001	Kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị đo	CT7343	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trần Quang Hải (CN Hóa)	
26	20252TO7010001	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch nâng cao	TO7010	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Hồng Vân (Trường NN - DL)	
27	20252TO7011001	Quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm du lịch	TO7011	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Hà Thành Công (Trường NN - DL)	
28	20252TO7012001	Quản trị chuỗi cung ứng du lịch	TO7012	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Việt Dũng (TT ĐBCL)	
29	20252TO7013001	Quản trị chiến lược doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành	TO7013	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Lê Ba Phong (Trường NN - DL)	

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Hệ	Kỳ mở lớp - khóa	Giảng viên	Ghi chú
30	20252TO7014001	Chuyên đề thực tế Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TO7014	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Hồng Vân (Trường NN - DL)	
31	20252TO7015001	Marketing điểm đến du lịch	TO7015	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Thị Phương Hoa (Trường Kinh tế)	
32	20252TO7017001	Quản trị du lịch MICE	TO7017	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đỗ Hải Yến (Trường NN - DL)	
33	20252FL7341001	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc	FL7341	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Lê (Trường NN - DL)	
34	20252FL7342001	Lí thuyết dịch tiếng Trung Quốc	FL7342	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Cẩm Tú Tài (Trường NN - DL)	
35	20252FL7343001	Văn tự học tiếng Trung Quốc	FL7343	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thu Trà (Trường NN - DL)	
36	20252FL7344001	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	FL7344	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Cẩm Tú Tài (Trường NN - DL)	
37	20252FL7346001	Ngôn ngữ truyền thông tiếng Trung Quốc	FL7346	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Ứng Thủy Linh (Trường NN - DL)	
38	20252FL7347001	Giao tiếp liên văn hóa tiếng Trung Quốc	FL7347	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thu Trà (Trường NN - DL)	
39	20252FL7348001	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc	FL7348	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Lê (Trường NN - DL)	
40	20252EE7315001	Máy điện trong thiết bị tự động và điều khiển	EE7315	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phí Hoàng Nhã (Điện-Điện tử)	
41	20252EE7317001	Kỹ thuật điện cao áp	EE7317	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Mạnh Quân (Điện-Điện tử)	
42	20252EE7326001	Kỹ thuật nguồn điện phân tán	EE7326	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Anh Tuấn (Điện-Điện tử)	
43	20252EE7329001	Ổn định điện áp trong lưới điện phân phối	EE7329	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Trịnh Trọng Chương (P. KHCN)	
44	20252EE7328001	Thị trường điện	EE7328	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Mạnh Quân (Điện-Điện tử)	
45	20252EE7314001	Truyền tải điện linh hoạt	EE7314	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Văn Hùng (Điện-Điện tử)	
46	20252EE7321001	Quá điện áp trong các hệ thống điện	EE7321	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Ninh Văn Nam (Điện-Điện tử)	
47	20252EE7333001	Máy điện nam châm vĩnh cửu	EE7333	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phí Hoàng Nhã (Điện-Điện tử)	
48	20252EE7310001	SCADA và đánh giá trạng thái hệ thống điện	EE7310	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Văn Hùng (Điện-Điện tử)	
49	20252EE7320002	Lưu trữ và biến đổi năng lượng	EE7320	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Quang Sáng (Điện-Điện tử)	
50	20252FL7309001	Ngữ âm, âm vị học tiếng Anh nâng cao	FL7309	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Hương (Trường NN - DL)	
51	20252FL7316001	Ngôn ngữ và Giao tiếp liên văn hóa	FL7316	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phương Thị Duyên (Trường NN - DL)	
52	20252FL7311001	Ngữ nghĩa học tiếng Anh nâng cao	FL7311	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Hương (Trường NN - DL)	
53	20252FL7317001	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ	FL7317	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Mai Vân (Trường NN - DL)	
54	20252FL7318001	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	FL7318	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trần Thị Duyên (TT KT)	
55	20252FL7330001	Văn hoá trong giảng dạy ngôn ngữ	FL7330	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Phạm Hiền (Trường NN - DL)	
56	20252FL7308001	Tiếng Anh chuyên ngành	FL7308	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đặng Thị Minh Tâm (Trường NN - DL)	
57	20252FL7320001	Thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ	FL7320	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trần Thị Duyên (TT KT)	
58	20252FL7325001	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	FL7325	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Mai Văn Kết (Trường NN - DL)	
59	20252ME7328001	Điều khiển tự động thủy khí	ME7328	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Thanh Lâm (Cơ khí - Ô tô)	

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Hệ	Kỳ mở lớp - khóa	Giảng viên	Ghi chú
60	20252ME7330001	Động lực học và điều khiển tay máy	ME7330	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Phan Bùi Khôi (Cơ khí - Ô tô)	
61	20252ME7352001	Mô hình hóa và điều khiển động cơ điện	ME7352	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phan Đình Hiếu (Cơ khí - Ô tô)	
62	20252ME7348001	Quản lý sản xuất tiên tiến	ME7348	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trịnh Văn Long (Cơ khí - Ô tô)	
63	20252ME7349001	Chuyên đề 1: Chuyên đề Hệ thống đo lường	ME7349	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Thanh Lâm (Cơ khí - Ô tô)	
64	20252ME7351001	Điều khiển thông minh	ME7351	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Đinh Thị Thanh Huyền (Cơ khí - Ô tô)	
65	20252ME7350001	Chuyên đề 2: Hệ thống sản xuất	ME7350	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Tiến Đạt (Cơ khí - Ô tô)	
66	20252IT7310001	Hệ thống nhúng	IT7310	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Văn Hà (CNTT-TT)	
67	20252FE7340002	Kỹ thuật học máy và nhận dạng	FE7340	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Thu (Điện-Điện tử)	
68	20252FG7332001	Quản lý tinh gọn chuỗi cung ứng dệt may	FG7332	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ (CN M&TKTT)	
69	20252FG7317001	Công nghệ mới trong hoàn tất sản phẩm dệt may	FG7317	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lưu Thị Tho (CN M&TKTT)	
70	20252FG7318001	Kỹ thuật mới trong thiết kế sản phẩm may	FG7318	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đinh Mai Hương (CN M&TKTT)	
71	20252FG7319001	Tiến bộ mới trong công nghệ may	FG7319	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ (CN M&TKTT)	
72	20252FG7321001	Phân tích và dự báo xu hướng sản phẩm dệt may	FG7321	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ (CN M&TKTT)	
73	20252FG7316001	Vải dệt 3D và kỹ thuật	FG7316	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đinh Mai Hương (CN M&TKTT)	
74	20252FG7322001	Sản phẩm dệt may thông minh	FG7322	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Phạm Thị Minh Huệ (Cơ khí - Ô tô)	
75	20252FG7310002	Phát triển bền vững trong dệt may	FG7310	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lưu Thị Tho (CN M&TKTT)	
76	20252FG7324001	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành dệt may	FG7324	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Minh Hiếu (Cơ khí - Ô tô)	
77	20252FG7330001	Chuyên đề 2: Sản phẩm mặc bỏ sát người	FG7330	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ (CN M&TKTT)	
78	20252IT7323001	Quản trị hệ thống thông tin	IT7323	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Hoàng Tú (CNTT-TT)	
79	20252IT7312001	Hệ thống thông minh	IT7312	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Vũ Đình Minh (CNTT-TT)	
80	20252IT7311001	Hệ thống phân tán	IT7311	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Mỹ Bình (CNTT-TT)	
81	20252IT7333001	An ninh mạng nâng cao	IT7333	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Lê Thị Anh (CNTT-TT)	
82	20252IT7303001	Các chủ đề hiện đại về công nghệ thông tin	IT7303	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Sơn (CNTT-TT)	
83	20252IT7310002	Hệ thống nhúng	IT7310	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Hà Mạnh Đào (CNTT-TT)	
84	20252IT7308001	Dữ liệu lớn	IT7308	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trần Tiến Dũng (CNTT-TT)	
85	20252IT7317001	Kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	IT7317	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Văn Tinh (CNTT-TT)	
86	20252ME7322001	Tối ưu hóa trong gia công cắt gọt	ME7322	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Phạm Văn Bổng (Cơ khí - Ô tô)	
87	20252ME7344001	Các phương pháp gia công tiên tiến	ME7344	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Văn Thiện (BGH)	
88	20252ME7305001	Độ tin cậy và tuổi thọ của thiết bị cơ khí	ME7305	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Xuân Chung (TT VN)	
89	20252ME7345001	Gia công cắt gọt cao tốc	ME7345	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Tiến Dũng (Cơ khí - Ô tô)	

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Hệ	Kỳ mở lớp - khóa	Giảng viên	Ghi chú
90	20252ME7302001	Công nghệ phủ bề mặt	ME7302	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Phạm Đức Cường (Viện CN-HaUI)	
91	20252ME7346001	Công nghệ chế tạo Micro	ME7346	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Tiến Dũng (Cơ khí - Ô tô)	
92	20252ME7347001	Công nghệ vật liệu tiên tiến	ME7347	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Quốc Tuấn (Cơ khí - Ô tô)	
93	20252ME7317001	Phân tích và mô phỏng động lực học quá trình gia công	ME7317	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Tiến Dũng (Cơ khí - Ô tô)	
94	20252ME7348002	Quản lý sản xuất tiên tiến	ME7348	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trịnh Văn Long (Cơ khí - Ô tô)	
95	20252ME7350002	Chuyên đề 2: Hệ thống sản xuất	ME7350	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Tiến Đạt (Cơ khí - Ô tô)	
96	20252AA7319001	Báo cáo tài chính hợp nhất	AA7319	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Hoàng Thị Việt Hà (Trường Kinh tế)	
97	20252AA7318001	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo nâng cao	AA7318	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Dự (Trường Kinh tế)	
98	20252AA7308001	Kế toán quản trị	AA7308	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Thanh Loan (Trường Kinh tế)	
99	20252AA7320001	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	AA7320	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đặng Thị Hồng Hà (Trường Kinh tế)	
100	20252AA7321001	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	AA7321	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy (Trường Kinh tế)	
101	20252AA7322001	Kiểm soát nội bộ và quản trị công ty	AA7322	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Quế (Trường Kinh tế)	
102	20252AA7323001	Thuế và kế toán thuế nâng cao	AA7323	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Thu Huyền (Trường Kinh tế)	
103	20252BM7031001	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	BM7031	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Bùi Thị Hạnh (Trường Kinh tế)	
104	20252BM7034001	Tài chính bền vững	BM7034	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Trần Thị Lan Anh (Trường Kinh tế)	
105	20252BM7035001	Tài chính công nâng cao	BM7035	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Mai Thị Diệu Hằng (Trường Kinh tế)	
106	20252BM7032001	Định giá đầu tư	BM7032	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Phương Anh (Trường Kinh tế)	
107	20252BM7041001	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại	BM7041	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Thị Trúc Quỳnh (Trường Kinh tế)	
108	20252FE7337001	Hệ thống thông tin vô tuyến nâng cao	FE7337	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phan Thanh Hòa (Điện-Điện tử)	
109	20252FE7338001	Thiết kế vi mạch tương tự	FE7338	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Xuân Thành (Điện-Điện tử)	
110	20252FE7339001	Thiết kế hệ thống nhúng nâng cao	FE7339	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Vũ Trung Kiên (Điện-Điện tử)	
111	20252FE7341001	Chuyên đề: Hệ thống điện tử	FE7341	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Hoàng Mạnh Kha (Điện-Điện tử)	
112	20252BM7329002	Kỹ năng lãnh đạo và đổi mới	BM7329	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	PGS.TS. Lê Ba Phong (Trường NN - DL)	
113	20252BM7028002	Quản trị chiến lược	BM7028	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đỗ Hải Hưng (Trường Kinh tế)	
114	20252BM7038002	Công nghệ tài chính (Fintech)	BM7038	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Ngô Văn Quang (Trường Kinh tế)	
115	20252BM7312002	Quản trị vận hành	BM7312	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Nguyễn Thị Mai Anh (Trường Kinh tế)	
116	20252BM7318002	Quản lý dự án nâng cao	BM7318	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Vũ Đình Khoa (Trường Kinh tế)	
117	20252FE7348001	Thiết kế vi mạch số	FE7348	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Đinh Thị Kim Phụng (Điện-Điện tử)	
118	20252FE7349001	Kỹ thuật layout vi mạch	FE7349	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Thanh Sơn (Điện-Điện tử)	
119	20252FE7350001	Thiết kế vi mạch và ứng dụng	FE7350	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 1	TS. Phạm Xuân Thành (Điện-Điện tử)	

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Hệ	Kỳ mở lớp - khóa	Giảng viên	Ghi chú
120	20251FL7332002	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng	FL7332	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	PGS.TS. Nguyễn Thuý Nga (Trường NN - DL)	
121	20251LP7301002	Triết học	LP7301	4.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	TS. Trần Thị Bích Huệ (LLCT-PL)	
122	20251FL7302003	Ngôn ngữ học đại cương	FL7302	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp (Trường NN - DL)	
123	20251FL7304003	Viết tiếng Anh học thuật	FL7304	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	TS. Lê Mai Vân (Trường NN - DL)	
124	20251FL7329003	Các lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	FL7329	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	PGS.TS. Nguyễn Thuý Nga (Trường NN - DL)	
125	20251FL7315003	Ngôn ngữ học đối chiếu	FL7315	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	PGS.TS. Phạm Hiền (Trường NN - DL)	
126	20251FL7331006	Văn hoá, bản sắc và toàn cầu hóa	FL7331	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	TS. Phương Thị Duyên (Trường NN - DL)	
127	20251FL7306003	Ngôn ngữ học ứng dụng	FL7306	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 1 - K15 đợt 3	PGS.TS. Lê Thị Lan Anh (Trường NN - DL)	
128	20252IT7323002	Quản trị hệ thống thông tin	IT7323	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Đỗ Mạnh Hùng (CNTT-TT)	
129	20252IT7312002	Hệ thống thông minh	IT7312	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Giang Thành Trung (CNTT-TT)	
130	20252IT7311002	Hệ thống phân tán	IT7311	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Nguyễn Thị Mỹ Bình (CNTT-TT)	
131	20252IT7333002	An ninh mạng nâng cao	IT7333	2.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Phạm Văn Hiệp (CNTT-TT)	
132	20252IT7303002	Các chủ đề hiện đại về công nghệ thông tin	IT7303	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Đặng Trọng Hợp (CNTT-TT)	
133	20252IT7308002	Dữ liệu lớn	IT7308	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Trần Tiến Dũng (CNTT-TT)	
134	20252IT7317002	Kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	IT7317	3.0	Thạc sĩ	Học kỳ 2 - K15 đợt 2	TS. Lê Trường Giang (TT CNTT)	

Danh sách gồm: 134 lớp học phần./.